TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 10-7-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Dũng.

2/ Ông Trần Trung Nhân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường A - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Địa chỉ: Số B - B, N, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Minh K – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh T1 phòng G

Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thanh L - Chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Phan Phước N2, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S trình bày:

Ngày 22/11/2022, ông Phan Phước N2 có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh T1 – Phòng G1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng);

Căn cứ thu nhập của ông N2, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông N2 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tính đến ngày 15/02/2025, ông N2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 88.000.000 đồng, tiền lãi là 25.931.319 đồng, tiền phí là 2.630.460 đồng, ông N2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 53.915.919 đồng, trong đó: thanh toán tiền vốn là 32.768.733 đồng, tiền lãi là 21.147.186 đồng. Kể từ ngày 15/02/2025 đến nay ông N2 ngưng không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nào nữa, nên Ngân hàng đã chấm quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền vốn là 64.079.860 đồng.

Do ông N2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông N2 trả số tiền nợ tính đến ngày 10/7/2025 là 76.930.050 đồng (trong đó vốn là 64.079.860 đồng; Lãi quá hạn là 12.850.190 đồng)

Bị đơn ông Phan Phước N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thanh L có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt; Bị đơn ông Phan Phước N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2418815 ngày 22/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh T1 – Phòng G1 với ông Phan Phước N2 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần S có cấp hạn mức tín dụng sử dụng thẻ cho ông Phan Phước N2 số tiền 60.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông N2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông

N2 phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày xét xử (Ngày 10/7/2025) với số tiền tổng cộng là 76.930.050 đồng (trong đó vốn là 64.079.860 đồng; Lãi quá hạn là 12.850.190 đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 100, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S. Buộc ông Phan Phước N2 có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 10/7/2025 tổng cộng số tiền là 76.930.050 đồng (trong đó vốn là 64.079.860 đồng; Lãi quá hạn là 12.850.190 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 11/7/2025, ông Phan Phước N2 còn phải tiếp tục trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2418815 ngày 22/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phan Phước N2 phải chịu 3.846.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền 1.644.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016720 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C (Nay là Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án DS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thành Ngoan